

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠCH THÀNH  
TỈNH THANH HÓA**

Số: 70/2022/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Thạch Thành, ngày 28 tháng 9 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 146/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”. Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Bùi Văn H; sinh năm: 1984

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Nguyễn Thị D; sinh năm: 1984

Địa chỉ: Xóm Đ, thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về hôn nhân: Anh Bùi Văn H và chị Nguyễn Thị D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 01/3/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Nay anh H và chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên đề nghị TAND huyện Thạch Thành giải quyết cho anh, chị được ly hôn. Do đó, nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn yêu cầu của anh H và chị D.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Nguyễn Phương A, sinh ngày 16/11/2007 và Bùi Phương L, sinh ngày 06/6/2016. Ly hôn, anh H và chị D thỏa thuận sẽ giao cả 02 con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

[3]. Về tài sản chung: Anh H và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về các vấn đề khác: Anh H và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Anh H và chị D thỏa thuận, anh H là người chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn H và chị Nguyễn Thị D thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Giao cháu Bùi Nguyễn Phương A, sinh ngày 16/11/2007 và Bùi Phương L, sinh ngày 06/6/2016 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

Anh H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

**2.** Về lệ phí: Chị Bùi Văn H tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí DSST về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí DSST anh H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số: AA/2021/0007735 ngày 18/8/2022, anh H đã nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Cúc**